Tên: ……..

Lớp: S4…

Ngày giao bài: Thứ….., ngày…./….

Ngày nộp bài: Thứ….., ngày…./….

Week: 13 - GVVN

Ngữ pháp HW: .....

Nghe HW: .....

UNIT 4: FOOD - WOULD YOU LIKE…? & SEQUENCE CONNECTORS

A. THEORY

I. GRAMMAR A: Would you like + N / to-V…?

Would you like ...? | Dùng để mời hoặc để nghị ai đó một cách lịch sự. Có thể dùng với danh từ (N) hoặc động từ có to (to-V).

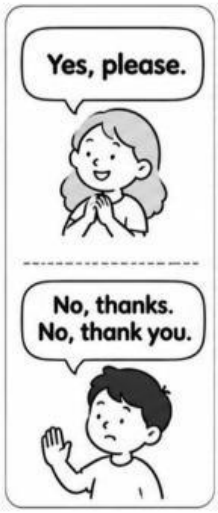
Would you like + N?

Cấu trúc:	Would you like + **danh từ** (N)?
Cách dùng:	Dùng để mời ai đó nhận, dùng hoặc ăn/uống một thứ gì đó.

Ví dụ:



Câu trả lời ngắn:



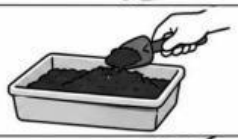
Would you like + to-V ...?

Cấu trúc:	Would you like + **to** + động từ (to-V)?
Cách dùng:	Dùng để mời ai đó làm một việc gì đó.

Ví dụ:



II. GRAMMAR B: Sequence Connectors

Từ nối	Cách dùng	Ví dụ	Hình minh họa
Before you start	Trước khi bắt đầu làm gì đó.	**Before you start,** wash your hands.	
Then	Chỉ bước tiếp theo.	**Then,** put the soil in the container.	
After that	Chỉ bước sau bước trước đó.	**After that,** place the seeds on the soil.	
When	Chỉ thời điểm một sự việc xảy ra.	**When** the plants are small, water them every day.	

LIVEWORKSHEETS

B. HOMEWORK

GRAMMAR (15 questions)

I. Con học nghĩa, phát âm và chép từ ở bảng EXTRA VOCABULARY (trang 3) mỗi từ một dòng vào vở.

II. Choose the correct answer.

0. Would you like ___ tea?

A. some B. to C. when

1. Would you like ___ juice?

A. to B. some C. then

2. Would you like ___ play?

A. some B. a C. to

3. ___ you cook, wash the vegetables.

A. Then B. Before C. After that

4. First, cut the bread. ___, add some butter.

A. Before B. When C. Then

5. ___ the cake is ready, we eat it.

A. When B. Before C. Then

III. Choose the correct word or phrase from the box.

~~Would~~	After that	When
Before	to	some

Mai: *(0)* *Would* you like to make a salad?

Nam: Yes, please!

Mai: (1) _____ you start, wash your hands.

Nam: OK. Then I wash the carrots.

Mai: (2) _____, cut them.

Nam: Would you like (3) _____ cut the beans, too?

Mai: No, thanks. (4) _____ the salad is ready, we eat.

Nam: Would you like (5) _____ juice?

Mai: Yes, please.

IV. Complete the sentences/dialogues.

0. A: Would you like some tea? *B: Yes, please. (yes)*	
1. A: Would you like some juice? B: _____ (no)	

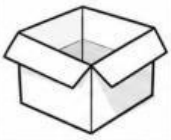
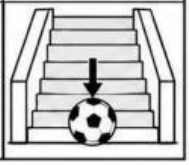
LIVEWORKSHEETS

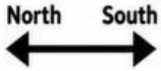
2. A: _____ (would / play) B: Yes, please.	
3. Before you start, _____ _____ (get / plastic container)	
4. First, wash the beans. Then _____ _____ (cut)	
5. When the soup is hot, _____ _____(we / eat)	

EXTRA VOCABULARY

Con học thuộc các từ dưới đây để làm bài bên dưới và chuẩn bị cho bài kiểm tra buổi sau nhé!

Con truy cập link hoặc quét QR code để nghe và đọc lại từ vựng nhé:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/viet-s4-w13-extra-vocab

No.	Words	Meanings	Pictures
1	**by the sea** (phr)	gần biển / bên bờ biển	
2	**empty** (adj)	trống	
3	**steps** (n)	các bậc thang	
4	**at the bottom of** (phr)	ở dưới cùng của	

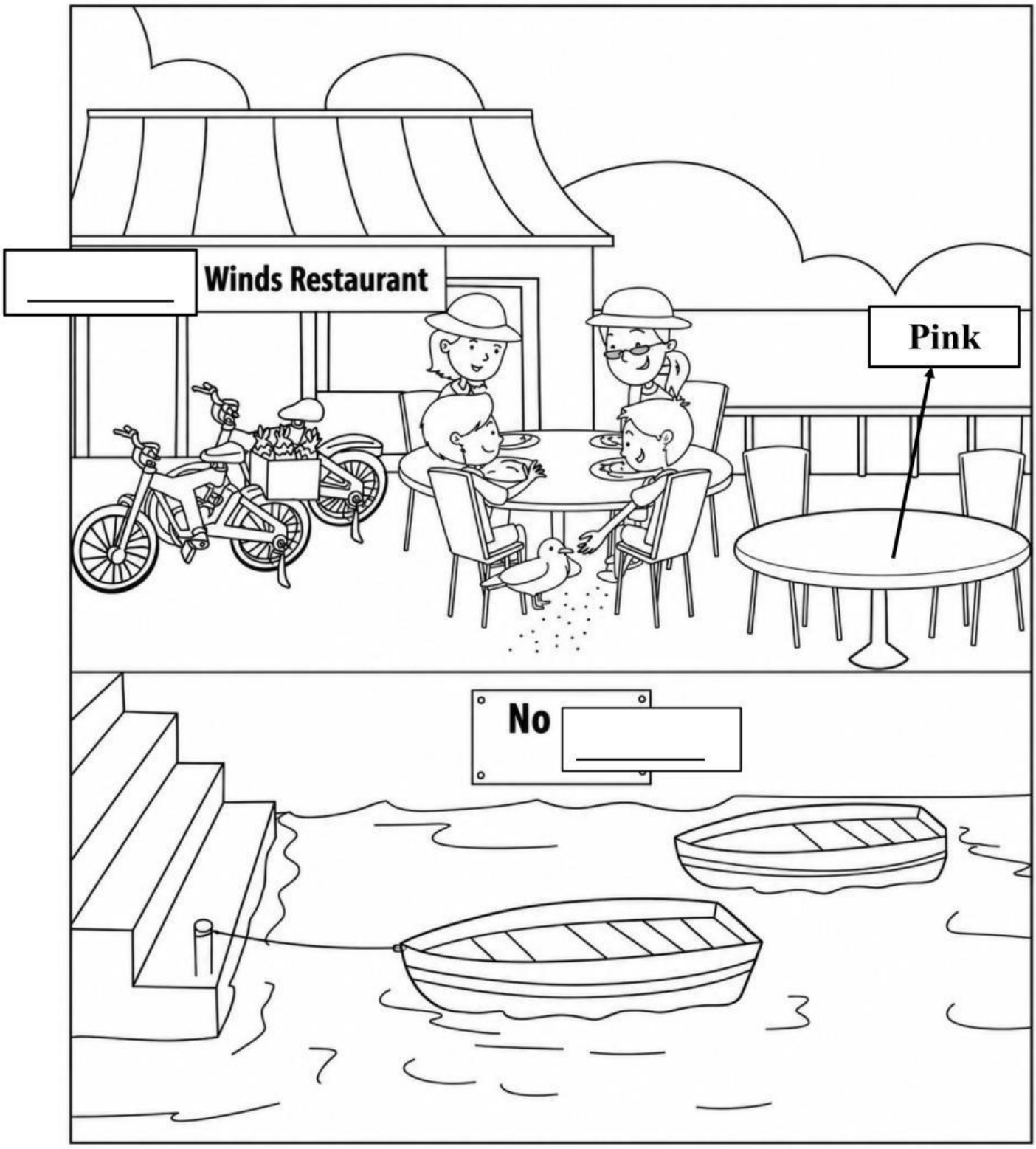
No.	Words	Meanings	Pictures
5	**fishing** (n)	việc câu cá	
6	**on the back of** (phr)	ở phía sau của	
7	**shall** (v)	sẽ / để nghị	
8	**the opposite of** (phr)	ngược lại với	

***Note:** *n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adj = adjective: tính từ, phr = phrase: cụm từ*

LIVEWORKSHEETS

FLYERS LISTENING PART 5 (5 questions)

Con truy cập link hoặc quét QR code để làm bài nghe nhé:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/viet-s4-w13-flyers-listening



LIVEWORKSHEETS